

Đề cương ôn tập môn Văn lớp 12 học kỳ 1 năm học 2019 – 2020

Tổng hợp tóm tắt đề cương ôn tập môn Ngữ văn lớp 12 học kỳ 1 năm học 2019 – 2020 sau đây là tài liệu tham khảo hữu ích cho các em học sinh chuẩn bị thi học kỳ và ôn thi THPT quốc gia năm 2020.

Nhằm giúp thí sinh tiết kiệm thời gian và thuận tiện trong việc ôn tập, Ban **tuyển sinh Cao đẳng Dược Hà Nội** - Trường Cao đẳng Y Dược Pasteur tổng hợp tóm tắt đề cương ôn tập môn Ngữ văn lớp 12 học kỳ 1 năm học 2019 – 2020. Đây là tài liệu tham khảo hữu ích cho các em học sinh chuẩn bị thi học kỳ và ôn thi THPT quốc gia năm 2020.

Sau đây là hướng dẫn nội dung và phương pháp ôn tập:

### **1. Tóm tắt quá trình phát triển của văn học Việt Nam từ 1945 đến hết thế kỉ XX. Những giai đoạn và thành tựu chủ yếu của từng giai đoạn**

Quá trình phát triển văn học Việt Nam từ 1945 đến hết thế kỉ XX:

a. Chặng đường 1945 - 1954:

- Văn học phản ánh được không khí hồ hởi đặc biệt của nhân dân ta khi đất nước vừa giành được độc lập.

Từ cuối 1946, văn học tập trung phản ánh cuộc kháng chiến chống Pháp. Văn học gắn bó với đời sống cách mạng và kháng chiến, tập trung khám phá sức mạnh và phẩm chất tốt đẹp của quần chúng nhân dân, thể hiện niềm tự hào dân tộc và niềm tin vào tương lai tất thắng của cuộc kháng chiến.

Một số tác phẩm tiêu biểu trên các thể loại:

+ Truyện và kí, tiêu biểu: Một lần tới thủ đô và Trận phố Ràng của Trần Đăng, Đôi mắt và Nhật kí ở rừng của Nam Cao, Làng của Kim Lân, Vùng mỏ của Võ Huy Thông. Xung kích của Nguyễn Đình Thi, Đất nước đứng lên của Nguyễn Ngọc.

+ Thơ ca: Cảnh khuya. Rằm tháng giêng, Lên núi của Hồ Chí Minh. Bên kia sông Đuống của Hoàng Cầm, Tây Tiến của Quang Dũng, Nhớ của Hồng Nguyên, Cả nước, Việt Bắc của Tố Hữu...

+ Kịch: Bắc Sơn của Nguyễn Huy Tưởng, Chị Hoà của Học Phi

## b. Chặng đường 1955 - 1964

Văn xuôi mở rộng đề tài, bao quát nhiều vấn đề, phạm vi trong xã hội. Các tác phẩm tập trung khai thác đề tài kháng chiến chống Pháp và hiện thực đời sống trước cách mạng, tiêu biểu: Tranh tối tranh sáng của Nguyễn Công Hoan, Sống mãi với Thủ đô của Nguyên Hồng... viết về đề tài xây dựng CNXH: Sông Đà của Nguyễn Tuân, Bốn năm sau của Nguyễn Huy Tưởng.

- Thơ: Gió lộng của Tố Hữu, Ánh sáng và phù sa của Chế Lan Viên...
- Kịch: Ngọn lửa của Nguyễn Vũ, Chị Nhàn của Đào Hồng cảm...

## c. Chặng đường từ 1965 - 1975

- Chủ đề yêu nước, ca ngợi chủ nghĩa anh hùng, tiêu biểu là Người mẹ cầm súng của Nguyễn Thi, Rừng xà nu Nguyễn Trung Thành... Truyện kí của Nguyễn Tuân, Nguyễn Thành Long...

- Xuất hiện khuynh hướng mở rộng và đào sâu hiện thực, đồng thời bổ sung và tăng cường chất suy tư, chính luận như: Ra trận, Máu và hoa của Tố Hữu, Hoa ngày thường, Chim báo bão của Chế Lan Viên, Đầu súng trăng treo của Chính Hữu...

- Xuất hiện thế hệ nhà thơ trẻ thời chống Mĩ như: Phạm Tiến Duật. Nguyễn Khoa Điềm.

## d. Chặng đường từ 1975 đến thế kỉ XX

Đổi mới và mở rộng thơ ca sau năm 1975 là một trong những thành tựu nổi bật của thơ ca giai đoạn này (Ví dụ: Những người đi từ biển của Thanh Thảo, Đường tới thành phố của Hữu Thỉnh, Trường ca sư đoàn của Nguyễn Đức Mậu...)

- Một số cây bút bộc lộ ý thức muốn đổi mới cách viết về chiến tranh, cách tiếp nhận hiện thực đời sống: Đất trắng của Nguyễn Trọng Oánh...

- Từ năm 1986, văn học gắn bó với cuộc sống hằng ngày. Phóng sự xuất hiện đề cập đến nhiều vấn đề cuộc sống thực tế.

Văn xuôi thực sự khởi sắc với tập truyện ngắn: Chiếc thuyền ngoài xa, cỏ lau của Nguyễn Minh Châu...

- Từ sau 1975, kịch nói phát triển mạnh mẽ như Hồn Trương Ba, da hàng thịt của Lưu Quang Vũ, Mùa hè ở biển của Xuân Trình...

## **2. Nêu những đặc điểm cơ bản của văn học Việt Nam từ 1945 - 1975**

a. Văn học vận động theo khuynh hướng cách mạng hoá, mang đậm tính dân tộc

Đây là một đặc điểm nói lên bản chất của văn học Việt Nam (1945 - 1975): thống nhất về nhiều mặt, phụng sự kháng chiến và có tinh thần nhân dân sâu sắc.

b. Văn học gắn bó mật thiết với vận mệnh chung của đất nước. Tập trung vào hai đề tài chính đó là: Tổ quốc và CNXH.

Đây cũng là một đặc điểm cơ bản của văn học Việt Nam 1945 - 1975. Văn học giai đoạn này gắn bó với vận mệnh chung của đất nước, của cộng đồng dân tộc. Đề tài bao trùm của văn học là Tổ quốc và CNXH.

c. Văn học phản ánh hiện thực đời sống trong quá trình vận động và phát triển của cách mạng kết hợp giữa khuynh hướng sử thi và khuynh hướng lãng mạn.

Đây là đặc điểm thể hiện khuynh hướng thẩm mỹ của văn học Việt Nam những năm 1945 - 1975. Văn học giai đoạn này mang đậm tính sử thi và chất lãng mạn, thấm đượm chất anh hùng ca, tạo nên vẻ đẹp riêng mang tính thời đại. Khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn đã đáp ứng được yêu cầu phản ánh hiện thực đời sống trong quá trình vận động và phát triển của văn học giai đoạn này.

## **3. Quan điểm sáng tác văn học nghệ thuật của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh? Chứng minh mối quan hệ nhất quán giữa quan điểm sáng tác với sự nghiệp văn học của Hồ Chủ tịch.**

Quan điểm sáng tác của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh.

- Hồ Chí Minh coi nghệ thuật là thứ vũ khí chiến đấu phụng sự cho sự nghiệp cách mạng. Quan điểm này bộc lộ rõ trong bài thơ có ý nghĩa tuyên ngôn nghệ thuật:

“Nay ở trong thơ nên có thép

Nhà thơ cũng phải biết xung phong”

(Cảm tưởng khi đọc "Thiên gia thi")

- Sau này trong Thư gửi họa sĩ nhân dịp triển lãm hội họa năm 1951, Người lại khẳng định: “Văn hóa nghệ thuật cũng là một mặt trận, anh chị em là chiến sĩ trên mặt trận ấy”.

- Hồ Chí Minh luôn chú trọng tính chân thật và tính dân tộc của văn chương, Người coi tính chân thật như một thước đo giá trị của văn chương nghệ thuật. Người nhắc nhở người nghệ sĩ “nên chú ý phát huy cốt cách dân tộc và đề cao sự sáng tạo, chớ gò bó họ vào khuôn mẫu làm mất vẻ sáng tạo”.

- Khi cầm bút, Hồ Chí Minh bao giờ cũng xuất phát từ mục đích, đối tượng tiếp nhận để quyết định nội dung và hình thức của tác phẩm văn học. Người luôn tự đặt câu hỏi: “Viết cho ai?” (đối tượng), “viết để làm gì?” (mục đích), “viết cái gì?” (nội dung), và “viết như thế nào?” (hình thức). Chính vì chú ý một cách toàn diện từ đối tượng tiếp nhận, mục đích sáng tác đến nội dung, hình thức của tác phẩm nên sáng tác của người chẳng những có tư tưởng sâu sắc, nội dung thiết thực mà còn có hình thức nghệ thuật sinh động, phong phú, đa dạng.

b. chứng minh được mối quan hệ có tính chất nhất quán giữa quan điểm sáng tác của Hồ Chí Minh với sự nghiệp văn học của Người.

Hồ Chí Minh luôn coi văn học là một vũ khí lợi hại phục vụ sự nghiệp cách mạng. Quan điểm đó đã tạo nên sự nhất quán giữa quan điểm sáng tác với sự nghiệp văn học của Người.

Ví dụ: truyện ngắn Vi hành được Người sáng tác vào đầu năm 1923 nhằm vạch trần bộ mặt của tên vua bù nhìn Khải Định trong chuyến sang Pháp nhục nhã của hắn vào năm 1922 để dự cuộc đấu xảo thuộc địa ở Mác-xây.

Lấy cuộc tố cáo lật tẩy tính chất bù nhìn, tay sai dơ dáy của nhân vật nói trên làm mục đích, cho nên tinh thần châm biếm, đả kích đã trở thành linh hồn của tác phẩm. Tinh thần ấy thấm vào toàn bộ tác phẩm (từ giọng văn khắc họa hình tượng nhân vật, đến mọi chi tiết của tác phẩm).

Tác phẩm được viết ra nhằm tới mục đích hướng tới độc giả Pháp và những người biết tiếng Pháp, cho nên được viết bằng bút pháp phương Tây hiện đại.

**4. Mục đích và đối tượng của văn bản Tuyên ngôn độc lập (căn cứ vào hoàn cảnh cụ thể khi Hồ Chí Minh đọc bản tuyên ngôn)? Phân tích nội dung và hình thức của tác phẩm để làm rõ Tuyên ngôn độc lập vừa là một áng văn chính luận mẫu mực, vừa là một áng văn chan chứa tình cảm lớn.**

a. Mục đích, đối tượng.

- Mục đích:

+ Khẳng định quyền lợi tự do dân tộc của dân tộc Việt Nam

+ Cuộc tranh luận ngầm vạch trần luận điệu xảo trá của kẻ địch và dư luận quốc tế.

- Đối tượng hướng đến của bản tuyên ngôn:

+ Đồng bào cả nước

+ Nhân dân thế giới

+ Bọn đế quốc Anh, Mĩ, thực dân Pháp

b. Chứng minh Tuyên ngôn độc lập vừa là một áng văn chính luận mẫu mực, vừa là một áng văn chan chứa tình cảm lớn

- Tuyên ngôn độc lập là một áng văn chính luận mẫu mực:

+ Lập luận chặt chẽ trong toàn bài: trích dẫn hai văn bản tuyên ngôn của Pháp, Mĩ, đồng thời suy rộng ra vấn đề độc lập dân tộc bên cạnh quyền con người và quyền công dân.

+ Luận điểm xác đáng có sức thuyết phục. Tố cáo sự chà đạp chân lí đó của thực dân ở Việt Nam, đặc biệt là việc lợi dụng lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái, lên án sự phản bội trắng trợn, đê hèn, vong ân bội nghĩa của chúng.

Khẳng định quyền tự chủ của nhân dân Việt Nam bằng lời lẽ đanh thép, giọng văn hùng hồn.

Sức mạnh của lý luận chính là sự thật. Tác giả đã dùng hàng loạt thực tế lịch sử để chứng minh thực dân Pháp “đã không bảo hộ” được Việt Nam, thực dân Pháp đã phản bội Việt Nam, thực dân Pháp đã gieo rất nhiều tội ác với nhân dân Việt Nam.

Dùng thực tế để đánh tan những mơ hồ vô định.

Dùng thực tế để khẳng định: Sự độc lập của Việt Nam phù hợp với lí lẽ và công lí và đạo lí.

- Tuyên ngôn độc lập còn là một áng văn xúc động lòng người. Chất văn của tác phẩm được bộc lộ qua tấm lòng của Bác đối với nước nhà, dân tộc, gây xúc động sâu sắc tới người nghe. Đó là lòng yêu nước nồng nàn và lòng tự hào dân tộc mãnh liệt, khát vọng dân tộc, tự do với ý thức quyết tâm giữ vững quyền tự do, độc lập ấy. Tất cả được thể hiện trên những câu chữ, nhất là giọng văn vừa thiết tha, vừa hùng hồn, đanh thép.

Ngôn ngữ chính xác, giàu sắc thái biểu cảm, từ ngữ chọn lọc, súc tích, dùng hàng loạt động từ chính xác giàu sắc thái biểu cảm, điệp từ, điệp ngữ có tính khẳng định nhấn mạnh.

### **5. Vì sao nói Tố Hữu là nhà thơ trữ tình - chính trị ? Phân tích khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn trong thơ 'Tô' Hữu.**

Tố Hữu là một trong những nhà thơ lớn của nền thơ hiện đại Việt Nam ông được coi là nhà thơ trữ tình - chính trị, vì:

- Thơ ông trước hết nhằm phục vụ đấu tranh cách mạng, những nhiệm vụ chính trị cơ bản về mỗi giai đoạn cách mạng.

- Những nội dung chính trị ấy được cất lên bằng tiếng nói trữ tình mới với những cảm xúc, tình cảm mang tính cụ thể, trực tiếp nói cái "tôi" cá thể bừng sáng và thức tỉnh sâu sắc lí tưởng cách mạng. Một cái "tôi" riêng tư, riêng tư nhưng vẫn gắn bó, hoà hợp với cái chung - một con người ở giữa mọi người trong cuộc chiến đấu.

Thơ Tố Hữu có tính sử thi vì chủ yếu khai thác cảm hứng từ đời sống chính trị của đất nước, từ tình cảm chính trị của bản thân nhà thơ, ông là nhà thơ của lẽ sống lớn, tình cảm lớn, niềm vui lớn của con người cách mạng và cuộc sống cách mạng. Ở những bài thơ hay nhất của Tố Hữu thường có sự kết hợp cả ba chủ đề: lẽ sống cách mạng, niềm vui lớn và ân tình cách mạng. Thơ Tố Hữu chủ yếu thể hiện cái "tôi" dân tộc và cách mạng. Đó là cảm hứng sử thi.

- Thơ Tố Hữu cũng rất tiêu biểu cho cảm hứng lãng mạn. Đó là cảm hứng lãng mạn cách mạng. Thơ ông tập trung thể hiện vẻ đẹp lí tưởng của con người về cuộc sống mới, thể hiện niềm tin vững chắc vào tương lai tươi sáng của cách mạng, của đất nước, dấu hiện tại vẫn còn nhiều khó khăn, hi sinh gian khổ.

### **6. Phân tích những biểu hiện của tính dân tộc trong bài thơ Việt Bắc của Tố Hữu?**

Tính dân tộc của bài thơ Việt Bắc thể hiện ở những phương diện sau:

- Thể thơ lục bát truyền thống.
- Cấu tứ của ca dao với hai nhân vật trữ tình “ta” và “mình”, người ra đi và người ở lại hát đôi đáp với nhau.
- Về biện pháp tu từ, ngoài các ẩn dụ, hoán dụ thường nói tới, ta có thấy nhà thơ rất chú ý sử dụng kiểu tiêu đối của ca dao, có tác dụng nhấn mạnh ý thơ tạo ra nhịp thơ uyển chuyển cân xứng, hài hoà làm cho lời thơ dễ nhớ, dễ thuộc, thấm sâu vào tâm tư.

Ví dụ: + Thơ Tố Hữu:

“Mình về rừng núi nhớ ai

Trám bùi để rụng, măng mai để già”

(Việt Bắc)

+ Ca dao:

“Chiều Nga Sơn, gạch Bát Tràng

Vải tơ Nam Định, lụa hàng Hà Đông”...

- Về ngôn ngữ thơ: Tố Hữu đã chú trọng lời ăn tiếng nói của nhân dân nên ngôn ngữ rất giản dị, mộc mạc mà cũng rất sinh động để tái hiện lại một thời cách mạng đầy gian khổ mà dạt dào tình nghĩa.

(HS xem thêm dàn ý tham khảo ở tiết Trả bài làm văn số 3 - Đề số 1)

**7. Vấn đề đặt ra và hệ thống luận điểm, cách triển khai lí lẽ và dẫn chứng trong các bài viết: Nguyễn Đình Chiểu, ngôi sao sáng trong văn nghệ của dân tộc (Phạm Văn Đồng), Mấy ý nghĩ về thơ (Nguyễn Đình Thi), Đô-xtôi-ép-xki (X. Xvai-gơ).**

**8. Phân tích vẻ đẹp của hình tượng người lính trong bài thơ Tây Tiến của Quang Dũng (So sánh với hình tượng người lính trong bài thơ. Đồng Chí của Chính Hữu).**

(HS xem dàn ý tham khảo ở tiết trả bài làm văn số 3 - Đề số 2)

## **9. Những khám phá riêng của mỗi bài thơ về đất nước, quê hương qua bài thơ Đất nước (Nguyễn Đình Thi) với đoạn trích Đất nước trong trường ca Mặt đường khát vọng (Nguyễn Khoa Điềm).**

Khám phá riêng về quê hương, đất nước của Nguyễn Đình Thi.

- Hình ảnh đất nước qua mùa thu của đất nước hai thời điểm lịch sử khác nhau:

+ Mùa thu xưa: đẹp, buồn + Mùa thu nay: đẹp, vui

- Đất nước hào hùng trong chiến đấu:

+ Truyền thống bất khuất của ông cha

+ Căm thù giặc, chiến đấu dũng cảm

- Đất nước vinh quang trong chiến thắng

- Cảm xúc thăng hoa trong lí trí

- Hình ảnh thơ chất lọc từ cuộc sống chiến đấu

Khám phá riêng về quê hương, đất nước của Nguyễn Khoa Điềm Nguyễn Khoa Điềm tự hào, ngợi ca đất nước và đau thương, bất khuất, anh hùng trong chiến thắng chống Pháp.

- Đất nước bắt đầu từ những gì gần gũi nhất, thân thiết nhất và bình dị nhất trong đời sống vật chất trong đời sống tâm linh của con người.

- Đất nước được cảm nhận từ phương diện địa lí, lịch sử thời gian và không gian.

- Đất nước là nơi thống nhất các yếu tố lịch sử, văn hoá, phong tục.

- Từ sự cảm nhận ấy dẫn đến một thái độ đầy trách nhiệm ấy của mỗi cá nhân trong cộng đồng. Một sự cảm nhận riêng mang tầm thời đại: tư tưởng đất nước của nhân dân.

Nguyễn Khoa Điềm thức tỉnh tuổi trẻ và mỗi người nhận biết về cội rễ và nguồn mạch chính của đất nước, khám phá truyền thống đất nước, của nhân dân.

- Cảm xúc lắng sâu trong nhận thức và trách nhiệm.



- Hình ảnh thơ được khơi nguồn trong ca dao thần thoại,

### c. Kết luận

Nguyễn Khoa Điềm khai thác hình tượng đất nước từ góc nhìn văn hoá dân tộc. Nguyễn Đình Thi lại triển khai góc nhìn từ những năm tháng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. Mục đích của Nguyễn Khoa Điềm là để khẳng định tư tưởng: đất nước là của nhân dân, Nguyễn Đình Thi tập trung bút lực để khẳng định tinh thần chiến đấu, bảo vệ Tổ quốc của dân tộc.

### 10. Phân tích hình tượng sóng trong bài thơ cùng tên của Xuân Quỳnh. Anh chị cảm nhận được gì về tâm hồn người phụ nữ trong tình yêu của bài thơ này

(HS tham khảo mục c - Bài tập nâng cao - Hướng dẫn học bài thơ Sóng của Xuân Quỳnh).

### 11. Những điểm cơ bản về nội dung và nghệ thuật của các bài thơ: Dọn về làng (Nông Quốc Chân), Tiếng hát con tàu (Chế Lan Viên) Đò Lèn (Nguyễn Duy), Bác ơi (tố Hữu)

Bài thơ	Nội dung chính	Đặc sắc nghệ thuật
Dọn về làng	Thể hiện nỗi đau của làng bản và tội ác của giặc đã chà đạp, giày xéo lên cuộc sống của người nhân dân. Mặt khác, qua đó, nhà thơ thể hiện niềm vui khi đánh đuổi được kẻ thù để người dân quê ông được “dọn về làng”.	Sử dụng thành công ngôn ngữ và hình ảnh mang đặc trưng phong cách dân tộc miền núi.
Tiếng hát con tàu	Thể hiện sự vận động, phát triển logic của tâm trạng chủ thể trữ tình, đi từ lý tưởng đến khát khao dấn thân, cống hiến; đi từ kỉ niệm, nỗi nhớ đến ước vọng gặp gỡ, trở về. Đôi tượng để tác giả bày tỏ những tình cảm thẩm mỹ của mình là đất và người Tây Bắc.	Những thủ pháp nghệ thuật chính được sử dụng trong bài thơ: chất suy tưởng và triết lí, nghệ thuật sáng tạo hình ảnh.
Đò Lèn	Làm sống lại kí ức tuổi thơ và hình ảnh người bà âm thầm chịu đựng muôn vàn vất vả để nuôi dạy đứa cháu mồ côi nghịch ngợm; thể hiện tình cảm sâu nặng của tác giả với người bà của mình.	Hình ảnh, nhịp điệu thơ lạ và độc đáo.

**12. So sánh Chữ người tử tù (Ngữ văn 11) với Người lái đò sông Đà (Ngữ văn 12). Nhận xét những điểm thống nhất và khác biệt của phong cách nghệ thuật Nguyễn Tuân trước và sau Cách mạng tháng Tám 1945.**

a. những điểm thống nhất :

- Có cảm hứng mãnh liệt trước những cảnh tượng độc đáo, tác động mạnh mẽ vào giác quan nghệ sĩ.
- Tiếp cận thế giới thiên về phương tiện thẩm mỹ, tiếp cận con người thiên về phương diện nghệ sĩ

b. những điểm khác biệt:

- Chữ người tử tù là truyện ngắn xây dựng thế giới nghệ thuật bằng hư cấu
- Người lái đò sông Đà là thể kí ghi chép người thực, việc thực, tư liệu phong phú dựa trên sự khảo sát nghiên cứu hiện thực, đồng thời trực tiếp bộc lộ cái tôi của nhà văn.
- Phong cách nghệ thuật của nhà văn có thể biến đổi khi thế giới quan và tư tưởng của nhà văn thay đổi. Chữ người tử tù và Người lái đò sông Đà thể hiện rất rõ phong cách nghệ thuật của Nguyễn Tuân.
- Truyện ngắn Chữ người tử tù Nguyễn Tuân đi tìm cái đẹp trong quá khứ "Vang bóng một thời" thì trong Người lái đò sông Đà, nhà văn tìm cái đẹp ở cuộc sống hiện tại.
- Trong Chữ người tử tù, Nguyễn Tuân đi tìm chất tài hoa nghệ sĩ ở tầng lớp những con người đặc tuyển, còn trong Người lái đò sông Đà, ông đi tìm chất tài hoa nghệ sĩ trong đại chúng nhân dân, cái đập mạnh vào giác quan nghệ sĩ của ông giờ đây là những thành tích của nhân dân trong lao động.

c) Phong cách Nguyễn Tuân trong Người lái đò sông Đà:

- Cảm hứng đặc biệt với những gì gây cảm giác mãnh liệt (cảnh thác dữ sông Đà và vẻ đẹp đầy chất thơ của dòng sông).

Khám phá con người tài hoa nghệ sĩ trong nghệ thuật “lái đò vượt thác leo ghềnh”, một “tay lái ra hoa”.

- Ngòi bút tài hoa uyên bác trong so sánh liên tưởng, hình ảnh đầy gợi cảm, sự vận dụng tri thức của nhiều ngành nghệ thuật khác nhau để quan sát miêu tả hiện thực.
- Ngôn ngữ phong phú, điêu luyện, giàu giá trị tạo hình.

### **13. Cảm hứng thẩm mỹ và văn phong của Hoàng Phủ Ngọc Tường qua đoạn trích bút kí Ai đã đặt tên cho dòng sông?**

#### **a. Cảm hứng thẩm mỹ:**

- Ngòi ca vẻ đẹp thiên nhiên phong phú đa dạng, huyền ảo như đời sống tâm hồn con người

Cảnh vật sông Hương - con sông gắn bó với lịch sử, văn hoá của Huế và cũng là của dân tộc - qua đó thể hiện sự yêu mến, say mê vẻ đẹp đối với dòng sông, đất nước.

#### **b. Nét đặc sắc của văn phong Hoàng Phủ Ngọc Tường:**

- Soi bóng tâm hồn với tình yêu quê hương đất nước vào đối tượng miêu tả khiến đối tượng trở nên lung linh, huyền ảo, đa dạng như đời sống như tâm hồn con người.
- Sức liên tưởng kì diệu, sự phong phú về kiến thức địa lí, lịch sử, văn hoá, nghệ thuật và những trải nghiệm của bản thân.
- Ngôn ngữ uyển chuyển, giàu hình ảnh, phong phú, giàu chất thơ, sử dụng nhiều biện pháp tu từ như: so sánh, nhân hoá, ẩn dụ...
- Có sự kết hợp hài hoà của cảm xúc và trí tuệ, chủ quan và khách quan

Nguồn: <https://yduochn.com.vn/> tổng hợp.